TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 158/2024/HS-PT
Ngày: 04/03/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;
Bà Trần Thị Quỳnh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Nhạn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Văn Biểu, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 04 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1257/2023/TLPT-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023, do Bản án hình sự sơ thẩm số 158/2023/HSST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

- *Bị cáo có kháng cáo*:

1. Họ và tên: Phạm Văn G**;** tên gọi khác: Không; sinh ngày 26 tháng 5 năm 1993 tại huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố B T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn H, sinh năm 1970 và bà Phạm Thị Y, sinh năm 1972; vợ: Lê Thị H1, sinh năm 1995 (đã ly hôn); con: Có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2022 đến nay; có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 25 tháng 5 năm 1991 tại thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố T, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H2, sinh năm 1967 và bà Phùng Thị T1, sinh năm 1968; vợ: Tạ Thị Phương T2, sinh năm 1991; con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/11/2022 đến ngày 30/12/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn "Bảo lĩnh"; vắng mặt.

3. Họ và tên: Chu Văn M, tên gọi khác: Không; sinh ngày 15 tháng 10 năm

1987 tại xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn H, xã D, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chu Văn T3, sinh năm 1964 và bà Cát Thị T4, sinh năm 1965; vợ: Lường Thị T5, sinh năm 1989; con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/11/2022 đến nay; có mặt.

4. Họ và tên: Phạm Ngọc H3, tên gọi khác: Không; sinh ngày 26 tháng 12 năm 1996 tại thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố T, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Ngũ T6, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị T7, sinh năm 1966; vợ: Phạm Thị Thu H4, sinh năm 1996; con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Phạm Ngọc H3*:* Ông Nguyễn Đắc T8, Luật sư Công ty TNHH M2, Đoàn Luật sư thành phố H; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:* Ông Phạm Ngũ T6, sinh năm 1965; trú tại: Tổ dân phố T, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

- *Trong vụ án còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị, không triệu tập tham gia phiên toà.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 04 giờ 45 phút, ngày 25/11/2022 Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng phát hiện 03 người Trung Quốc không có giấy tờ nhập cảnh đang ẩn nấp ở lề đường tại địa chỉ tổ G, thị trấn T, huyện T. Đến khoảng 05 giờ Phạm Ngọc H3 đến Công an huyện T tự thú về hành vi chở 03 người Trung Quốc nói trên và khai nhận đang cùng 03 người khác đưa người nhập cảnh trái phép đến thành phố Hà Nội. Khoảng 05 giờ 15 phút tại xóm P, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Công an huyện T phát hiện xe ô tô biển kiểm soát 88A - 084.00 di chuyển về hướng thành phố C nên ra hiệu lệnh dừng xe nhưng lái xe bỏ chạy, truy tìm xung quanh phát hiện 03 người Trung Quốc; đến khoảng 07 giờ tại Thôn G, xã Q, huyện T phát hiện thêm 03 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép. 09 người Trung Quốc gồm: Trương Kim K, sinh năm 1987; Vương Diện L, sinh năm 1985; Vương Giai H5, sinh năm 2001 cùng trú tại tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc. Hoàng Kim P sinh năm 2002; C Do K1 sinh năm 1995; Hoàng Hằng T9, sinh năm 1997 cùng trú tại tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc; Lâm Vĩnh T10, sinh năm 2005 trú tại tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc; Tăng Văn B, sinh năm 1993 trú tại tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc; Mạc Hoa N, sinh năm 1982 trú tại tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

Kết quả điều tra xác định được như sau: Ngày 22/11/2022 Nguyễn Mạnh C1 được một người không quen biết thuê đến tỉnh Cao Bằng chở khách về thành phố Hà Nội, do bận việc nên C1 báo cho Phạm Văn G đi chở người, C1 gửi số điện thoại của người thuê cho G để tự liên lạc thỏa thuận, đón người. Sau đó G gọi cho người thuê và biết khách đón là người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, người thuê thoả thuận tiền công là 6.000.000 đồng/01 xe/01 chuyến và yêu cầu G tìm thêm 03 xe cùng đi chở người, G đồng ý. Sau khi thống nhất G rủ Phạm Ngọc H3, Chu Văn M, Nguyễn Văn T cùng tham gia với tiền công và thông tin như người thuê đưa ra và H3, M, T đồng ý. Sau đó G lập một nhóm Z có tên là "11" gồm G, H3, M, T để tiện trao đổi đón người, đồng thời G gửi số điện thoại và biển số xe ô tô của H3, M, T cho người đàn ông có tài khoản Zalo "Đức A". Khoảng 12 giờ ngày 23/11/2022 G nhận được 13.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng, G chuyển vào tài khoản cho H3, M, T mỗi người 3.000.000 đồng. Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 24/11/2022 G, H3, M, T mỗi người điều khiển 01 xe ô tô đến thị trấn T; sau đó H3 được người thuê gửi vị trí đón người, theo định vị H3 đi đến vị trí thì được 02 người Việt Nam dẫn 01 người Trung Quốc lên xe H3 quay lại hình ảnh người Trung Quốc gửi vào nhóm Z "11" và điều khiển xe chở người Trung Quốc đi đến huyện G, thành phố Hà Nội trước. Đến khoảng 05 giờ cùng ngày, G được người thuê yêu cầu đến xã Đ, huyện T đón người, G điều khiển xe đến vị trí thì gặp 06 người Trung Quốc đang đứng chờ, khi 06 người lên xe, G quay lại hình ảnh rồi gửi cho người có tài khoản Z "Đức A" và điều khiển xe đến thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Cao Bằng, cho 03 người sang xe của M, 03 người sang xe của T rồi M cùng T chở 06 người đến huyện G, thành phố Hà Nội, còn G ở lại thị trấn Q. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày H3, T, M chở 07 người Trung Quốc đến xã N, huyện G, thành phố Hà Nội giao cho 02 người đàn ông đó, G được người thuê chuyển vào tài khoản 10.000.000 đồng, G chuyển vào tài khoản cho H3, M, T mỗi người 3.000.000 đồng.

Ngày 24/11/2022 Phạm Văn G tiếp tục được thuê chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép từ tỉnh Cao Bằng đến thành phố Hà Nội với tiền công, số lượng xe chở như lần trước, G được người thuê chuyển trước vào tài khoản 10.000.000 đồng, sau đó G rủ Phạm Ngọc H3, Nguyễn Văn T, Ngô Văn M1 cùng tham gia và G chuyển tiền cho H3, T, M1 mỗi người 3.000.000 đồng. Khoảng 02 giờ ngày 25/11/2022 H3, M1, T điều khiển xe đến thị trấn Q, huyện Q gặp G cùng chờ đi đón người; đến khoảng 04 giờ G, H3, M1, T được người thuê gửi cho 04 vị trí đón người tại huyện T. Theo định vị G, H3, T, M1 mỗi người điều khiển một xe đến 04 vị trí đón người khác nhau; đến vị trí H3 chở 03 người đi đến tổ G, thị trấn T, huyện T thì thấy lực lượng chức năng đang làm nhiệm vụ, H3 cho 03 người Trung Quốc xuống xe rồi bỏ trốn, đến khoảng 05 giờ cùng ngày H3 đến Công an huyện T tự thú. Theo định vị G đến vị khu vực cửa khẩu P1 chở 03 người Trung Quốc, khi đi đến xóm P, thị trấn Q, huyện Q thì bị lực lượng chức năng

phát hiện, G cho 03 người Trung Quốc xuống xe bỏ chạy; cùng lúc đó T đang chở 03 người Trung Quốc đến Thôn G, xã Q, huyện T thì được G báo là đã bị phát hiện nên T cho 03 người Trung Quốc xuống xe và đi về. Còn M1 khi vừa đến vị trí đón người thì được G thông báo là đã bị phát hiện nên M1 quay về.

Ngoài ra, Phạm Văn G một mình thực hiện hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh 03 lần cụ thể như sau: Lần thứ nhất, ngày 19/11/2022 G được một người không quen biết thuê đến huyện T, tỉnh Cao Bằng chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép đến thành phố Hà Nội. Khoảng 04 giờ 30 phút ngày 20/11/2022 G điều khiển xe đến thị trấn T chở 06 người Trung Quốc đến xã N, huyện G, thành phố Hà Nội giao cho một người không quen biết và được người thuê trả tiền công là 5.500.000 đồng. Lần thứ 2, khoảng 05 giờ ngày 21/11/2022 G đến thị trấn T, huyện T chở 05 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép đến xã N, huyện G và được người thuê trả cho 7.200.000 đồng. Lần thứ 3, khoảng 04 giờ ngày 23/11/2022 G tiếp tục đến thị trấn T chở 07 người Trung Quốc đến xã N, huyện G và được người thuê trả 6.000.000 đồng. Cả 03 lần này, trước khi giao người G đều quay lại hình ảnh những người Trung Quốc gửi cho người thuê, sau đó người thuê chuyển tiền công cho G.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 158/2023/HSST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn G, Phạm Ngọc H3, Nguyễn Văn T, Chu Văn M phạm tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép".

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

+ Bị cáo Phạm Văn G 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam 02/12/2022.

+ Bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 27/11/2022 đến ngày 30/12/2022.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Chu Văn M 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam 27/11/2022.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H3 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/9/2023 và ngày 28/9/2023, bị cáo Phạm Văn G, Chu Văn M có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 09/10/2023 bị cáo Nguyễn Văn T xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; ngày 09/10/2023 bị cáo Phạm Ngọc H3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo và xin

trả lại chiếc xe ô tô BKS 88A-555.34 cho ông Phạm Ngũ T6; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngũ T6 có đơn kháng cáo xin trả lại chiếc xe ô tô BKS 88A-555.34 cho ông.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Các bị cáo Phạm Văn G, Chu Văn M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, xin cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn G, Chu Văn M, Nguyễn Văn T, Phạm Ngọc H3 và kháng cáo của ông Phạm Ngũ T6 là trong thời hạn và đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên toà phúc thẩm các bị cáo T, H3 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; bị cáo T có đơn xin hoãn phiên toà do bị tai nạn giao thông và nộp kèm theo Sổ khám bệnh tại Trung tâm y tế thành phố V nhưng không có chỉ định của cơ sơ y tế về việc điều trị nội trú tại cơ sở y tế. Luật sư bào chữa cho bị cáo H3 có đơn xin hoãn phiên toà với lý do bận công tác nhưng các bị cáo và Luật sư không nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc xin hoãn phiên toà là có lý do chính đáng; ông Phạm Ngũ T6 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt các bị cáo T, H3, vắng mặt ông T6 và vắng mặt Luật sư bào chữa cho bị cáo H3 không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án và việc xét xử vụ án không làm xấu đi tình trạng của các bị cáo và người tham gia tố tụng khác trong vụ án nên đề nghị xét xử vắng mặt họ.

+ Về nội dung: Xét thấy về tội danh, khung hình phạt, điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với các bị cáo Phạm Văn G, Chu Văn M, Nguyễn Văn T, Phạm Ngọc H3 đã được bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ pháp luật và phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo. Đối với chiếc xe ô tô BKS 88A-555.34 là tài sản đứng tên chủ sở hữu của bị cáo Phạm Ngọc H3, bản án sơ thẩm tịch thu sung quỹ Nhà nước ½ giá trị chiếc xe ô tô là đúng pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của ông Phạm Ngũ T6; giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; không

có ai có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Đơn kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của ông Phạm Ngũ T6 là trong hạn luật định nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.3] Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên toà với lý do bị đau bụng do bị tai nạn giao thông; Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc H3 vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên toà với lý do bận công tác tại phiên toà khác; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngũ T6 vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy các bị cáo T, H3 và Luật sư bào chữa cho bị cáo H3 xin hoãn phiên toà nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho đề nghị của mình là có căn cứ hợp pháp và xét thấy việc vắng mặt các bị cáo T, H3, vắng mặt ông T6 và vắng mặt Luật sư bào chữa cho bị cáo H3 không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan; về tội danh và khung hình phạt bị cáo H3 bị truy tố, xét xử không thuộc trường hợp bắt buộc phải có Luật sư bào chữa. Xét thấy sự vắng mặt của những người trên không gây trở ngại cho việc xét xử và việc xét xử vụ án không làm xấu đi tình trạng của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo Phạm Văn G, Chu Văn M khai nhận hành vi phạm tội của mình và thừa nhận bản án sơ thẩm đã xét xử là đúng người, đúng tội, không oan.

Lời khai của các bị cáo G, M tại phiên toà phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 20/11/2022 đến ngày 25/11/2022 Phạm Văn G tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép 05 lần cho 34 người; Phạm Ngọc H3, Nguyễn Văn T, Chu Văn M tham gia cùng Phạm Văn G tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép 02 lần cho 16 người; cụ thể:

+ Lần thứ nhất, ngày 20/11/2022 G đến huyện T, tỉnh Cao Bằng chở 06 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép đến huyện G, thành phố Hà Nội được người thuê trả tiền công 5.500.000 đồng.

+ Lần thứ hai, ngày 21/11/2022 G chở 05 người nhập cảnh trái phép từ huyện T đến huyện G và nhận tiền công 7.200.000 đồng.

+ Lần thứ ba, ngày 23/11/2022 G đến huyện T chở 07 người nhập cảnh trái phép đến huyện G, nhận tiền công 6.000.000 đồng.

+ Lần thứ tư, ngày 24/11/2022 G cùng Phạm Ngọc H3, Nguyễn Văn T, Chu Văn M chở 07 người nhập cảnh từ huyện T đến huyện G và được người thuê trả tiền công là 23.000.000 đồng.

Lần thứ năm, ngày 25/11/2022 G, H3, T, M chở 09 người nhập cảnh trái phép từ huyện T đến thành phố Hà Nội và được người thuê trả trước 10.000.000

đồng. Đến khoảng 04 giờ 30 phút ngày 25/11/2022 khi G, H3, T, M đang chở 09 người nhập cảnh trái phép di chuyển đến huyện Q và huyện T thì bị các lực lượng thuộc Công an tỉnh C bị phát hiện, bắt giữ.

Do đó, bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Phạm Văn G, Phạm Ngọc H3, Nguyễn Văn T, Chu Văn M về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của ông Phạm Ngũ T6, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới và gây mất trật tự trị an – an toàn xã hội nói chung nên cần xét xử nghiêm mình, để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Các bị cáo đều là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp với mục đích để hưởng lợi tiền công, đều có tình tiết phạm tội nhiều lần, số người phạm tội là rất nhiều do đó các bị cáo đều phạm tội có 02 tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự. Cả 04 bị cáo Phạm Văn G, Phạm Ngọc H3, Nguyễn Văn T, Chu Văn M đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo H3 đã tự thú; bị cáo G đầu thú; bị cáo T có ông nội là Liệt sĩ Nguyễn Xuân Y1; sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền được hưởng lợi, cụ thể: Phạm Văn G nộp 15.000.000 đồng; Phạm Ngọc H3 nộp 9.000.000 đồng; Nguyễn Văn T nộp 8.100.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy mức hình phạt bản án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất hành vi phạm tội, vị trí vai trò thực hiện tội phạm, các đặc điểm về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, có khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Ngọc H3. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo Phạm Văn G, Phạm Ngọc H3, Nguyễn Văn T, Chu Văn M không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với 01 (một) xe ô tô Biển kiểm soát kiểm soát 88A-555.34, nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại: XPANDER GLP, thu giữ của Phạm Ngọc H3 là công cụ phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội. Các giấy tờ đăng ký sở hữu và lưu hành xe ô tô đều mang tên bị cáo Phạm Ngọc H3; không có tài liệu, chứng cứ xác định nguồn gốc số tiền mua chiếc xe ô tô trên là của ông Phạm Ngũ T6 nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc H3 và kháng cáo của ông Phạm Ngũ T6.

[3] Bản án xác định chiếc xe là tài sản chung của bị cáo Phạm Ngọc H3 và vợ là bà Phạm Thị Thu H4 và tịch thu, để hóa giá ½ giá trị của chiếc xe để sung công quỹ Nhà nước là chưa chính xác nhưng việc xử lý theo đúng quy định của pháp luật là làm xấu đi tình trạng của bị cáo và người tham gia tố tụng khác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét. Tại hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ chứng minh chiếc xe ô tô Biển kiểm soát kiểm soát 88A-555.34, nhãn hiệu MITSUBISHI, số loại: XPANDER GLP là tài sản do ông T6 mua nên bản án sơ thẩm xác định ông Phạm Ngũ T6 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chưa chính xác; tuy nhiên, việc xác định chưa đúng tư cách tham gia tố tụng của ông T6 không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Với các nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn G, Phạm Ngọc H3, Nguyễn Văn T, Chu Văn M và không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Ngũ T6; giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn G, Phạm Ngọc H3, Nguyễn Văn T, Chu Văn M và ông Phạm Ngũ T6 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn G, Phạm Ngọc H3, Nguyễn Văn T, Chu Văn M và không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Ngũ T6; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 158/2023/HSST ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng như sau:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn G, Phạm Ngọc H3, Nguyễn Văn T, Chu Văn M phạm tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép".

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

+ Bị cáo Phạm Văn G 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 02/12/2022.

+ Bị cáo Nguyễn Văn T 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo thi hành án phạt tù; được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/11/2022 đến ngày 30/12/2022.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Chu Văn M 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn

chấp hành án phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 27/11/2022.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H3 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án phạt tù.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước: ½ giá trị 01 (một) xe ô tô Biển kiểm soát: 88A-555.34, nhãn hiệu: MITSUBISHI, số loại: XPANDER GLP, loại xe: Ô tô con, màu sơn: Trắng, dung tích xi lanh 1499; số máy: 4A91JB6253, số khung: MK2LRNC1WLN011784, số chỗ ngồi: 7; năm sản xuất: 2020, xe đã qua sử dụng. (Kèm theo 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 88023497; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định số: KD 4777318; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số: OT21 0146539; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số: 019OTTN).

3. Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn G, Phạm Ngọc H3, Nguyễn Văn T, Chu Văn M và ông Phạm Ngũ T6; mỗi người phải chịu 200.000 án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- CA tỉnh Cao Bằng;
- Trại TG CA tỉnh Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng;
- Các bị cáo tại ngoại theo địa chỉ, các bị cáo tạm giam qua Trại TG;
- Lưu HSVA, HCTP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tiến Dũng